

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 222/2025/HS-PT
Ngày 26 tháng 11 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Kim Liên, ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lữ Thị Hằng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 158/2025/TLPT-HS ngày 01/10/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2025/HS-ST ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56A/2025/QĐXXPT-HS ngày 10/11/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với;

1. Bị cáo **Trịnh Thị Kim N**; sinh ngày 08 tháng 9 năm 1988 tại tỉnh Đồng Tháp; số CCCD: 087188009505, cấp ngày 20/7/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C**; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: **A D, tổ B, phường T, thị xã H, thành phố H (nay là phường T, thành phố H)**; Nghề nghiệp: Buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông **Trịnh Văn H**, sinh năm 1950 và bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1952; có chồng là **Trần Quốc L1**, sinh năm 1978, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2023; gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ tư; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân:

- Từ năm 1988 đến 2003, sinh sống cùng cha mẹ tại **Ấp D, xã M, C, Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp)** và đi học hết lớp 9/12. Sau đó nghỉ học lên thành phố Hồ Chí Minh làm nghề bán mỹ phẩm cho đến năm 2011.

- Từ năm 2011, lấy chồng tại thành phố Hồ Chí Minh, sau đó chuyển đến sinh sống tại **thành phố H** và làm ăn sinh sống cho đến nay.

- Năm 2019 đăng ký hộ kinh doanh: Cơ sở kinh ô tô Huế, địa chỉ: **A N, T, H, thành phố H (nay là phường T, thành phố H)**, ngành nghề: Mua bán kính, nội thất, phụ tùng ô tô; sửa chữa ô tô; dịch vụ in ấn.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/02/2024 đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo **Lê Thị N1**; sinh ngày 18 tháng 9 năm 1994 tại **thành phố H**; số CCCD: 046194003235, cấp ngày 26/7/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: **27/2/42 N, phường P, quận T,**

thành phố H (nay là phường T, thành phố H); Nghề nghiệp: Kế toán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê V (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1963; có chồng là Trương Việt T, sinh năm 1992, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2024; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ năm; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân:

- Từ năm 1994 đến 2011, sinh sống cùng cha mẹ tại Đ, L, P, thành phố H (nay là xã P, thành phố H) và được cha mẹ cho học hết lớp 12/12.

- Từ năm 2011 đến năm 2013, ôn tập thi đại học ở Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H).

- Từ năm 2013 đến 2017, học tập tại Trường Đại học S.

- Từ năm 2019, kết hôn, sinh con và sinh sống tại thành phố H đến nay.

- Tháng 11 năm 2019, vào làm kế toán tại cơ sở kính ô tô Huế do Trịnh Thị Kim N là đại diện hộ kinh doanh cho đến nay.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 cho đến ngày 04/4/2024 tại trại tạm giam Công an thành phố H. Sau đó, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” từ ngày 04/4/2024 cho đến nay. Có mặt.

3. Bị cáo Lê Minh T1; sinh ngày 08 tháng 02 năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp; số CCCD: 087094016344, cấp ngày 12/01/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi thường trú: Sô H, tổ A, ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp); nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: A D, tổ B, phường T, thị xã H, thành phố H (nay là phường T, thành phố H); Nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Lê Minh T2 (đã chết) và bà Trần Thị Kim L3, không rõ năm sinh; có vợ là Võ Thị Ngọc T3, sinh năm 1995, con: Có 01 con, sinh năm 2021; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân:

- Từ năm 1994 đến 2007, sinh sống cùng cha mẹ tại Tổ A, ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) và được cha mẹ cho học hết lớp 7/12.

- Từ năm 2008 nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình, làm lao động tự do tại tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H).

- Từ năm 2019, kết hôn, sinh con và sinh sống tại thành phố C (cũ), tỉnh Đồng Tháp.

- Từ năm 2021 đến năm 2024 sinh sống và làm việc tại cơ sở kính ô tô Huế do Trịnh Thị Kim N là đại diện hộ kinh doanh cho đến nay.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 cho đến ngày 16/9/2024 tại trại tạm giam Công an thành phố H. Sau đó, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” từ ngày 16/9/2024 cho đến nay. Có mặt.

4. Bị cáo Hồ Văn L4, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1996 tại thành phố H; số CCCD: 046096014163, cấp ngày 28/06/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: 14 Kiệt A A, phường A, quận T, thành phố H (nay là phường A, thành phố H); Nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Hồ Văn H1, sinh năm 1969 và bà Ngô Thị H2, sinh năm 1969; có vợ là

Ngô Thị M, sinh năm 1994, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân:

- Từ năm 2008 đến 2011 sinh sống cùng cha mẹ tại 1 A, A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường A, thành phố H) và được cha mẹ cho học hết lớp 9/12.
- Từ năm 2013 đến nay học nghề và làm việc tại xưởng sửa chữa kính ô tô của ông Trần Quốc L1 tại địa chỉ A A, A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường A, thành phố H).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 cho đến ngày 16/9/2024 tại trại tạm giam Công an thành phố H. Sau đó, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” từ ngày 16/9/2024 cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị N1: Luật sư Lê Võ Thanh H3 – Chi nhánh Văn phòng L8; địa chỉ: B đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Quốc L1, Đặng Văn Minh H4 nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc L1 cùng vợ là Trịnh Thị Kim N điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh cơ sở kính ô tô Huế có địa chỉ tại số A đường N, phường T, thị xã H, thành phố H (nay là phường T, thành phố H), đăng ký kinh doanh hộ gia đình với các ngành nghề: Mua bán kính, nội thất, phụ tùng ô tô, sửa chữa ô tô, dịch vụ in ấn. Người đại diện là Trịnh Thị Kim N được Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã H, thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 31F8003893, đăng ký lần đầu ngày 11/09/2019.

Trong quá trình kinh doanh, Trần Quốc L1 biết các kính chắn gió ô tô chính hãng các hãng xe nổi tiếng như PEUGEOT, HONDA, HUYNDAI, FORD, KIA, TOYOTA, MITSUBISHI, MERCEDES BENZ, SUZUKI, DEAWOO, MAZDA, CHEVROILET, NISSAN được người tiêu dùng ưa chuộng, sử dụng nhiều và giá thành cao hơn so với kính chắn gió của các thương hiệu sản xuất tại Trung Quốc nên nảy sinh ý định làm giả kính chắn gió ô tô các nhãn hiệu này.

Đầu năm 2021, L1 bàn bạc và thống nhất với Như mua và nhập khẩu kính chắn gió ô tô từ Trung Quốc có nhãn hiệu XYG (trên kính có logo là chữ “XYG”), sau đó mua máy móc, dụng cụ, vật liệu để tẩy xóa logo XYG trên kính đã mua, in logo nhãn hiệu của các hãng xe nổi tiếng lên kính đã tẩy xóa để bán ra thị trường.

Phục vụ cho ý đồ trên, L1 mua máy đánh bóng, dung dịch tẩy kính siêu tốc, sơn, dung dịch đánh bóng và 01 máy in, khắc laser dùng khắc trên thủy tinh, còn N đặt mua kính chắn gió nhãn hiệu XYG của Trung Quốc bán trên thị trường trong nước với giá từ 800.000 đồng đến 2.000.000 đồng 01 cái. Sau đó L1 lên mạng Internet tìm kiếm, tải về hình ảnh mẫu logo in trên kính của các hãng xe nổi tiếng như PEUGEOT, HONDA, HUYNDAI, FORD, KIA, TOYOTA, MITSUBISHI, MERCEDES BENZ, SUZUKI, DEAWOO, MAZDA, CHEVROILET, NISSAN..., đối với những dòng xe, đời xe mới chưa có thông tin, hình ảnh trên

mạng, L1 tìm ô tô của những dòng xe này trên thị trường, trực tiếp chụp ảnh phần logo in trên kính gửi cho N1, N1 sử dụng phần mềm Corel thiết kế mẫu logo giống như hình ảnh rồi lưu trữ, sắp xếp thành các file và đặt tên các file này theo tên logo của từng dòng xe, đời xe dưới sự hướng dẫn của L1. Sau đó N1 chuyển các file chứa mẫu logo này vào USB và giao lại cho Lê Minh T1.

Kính chắn gió ô tô nhãn hiệu XYG của Trung Quốc mua về được L1 tập kết tại địa chỉ A A, phường A, quận T, thành phố H (nay là phường A, thành phố H). Tại đây, L1 chỉ đạo Lê Minh T1, Hồ Văn L4 và Đặng Văn Minh H4 sử dụng bông gòn tẩm dung dịch tẩy kính siêu tốc tẩy logo chữ “XYG” trên kính, sau đó dùng máy đánh bóng cầm tay và dung dịch đánh bóng để đánh bóng bề mặt kính vừa tẩy xóa. Kính sau khi được tẩy xóa, làm sạch, L4 chỉ đạo T1 sử dụng USB mà N1 đưa kết nối với máy in khắc laser, xuất file mẫu logo đã lưu phù hợp với dòng xe, đời xe để khắc lên kính. Ở công đoạn này, Hồ Văn L4 và Minh H4 là những người hỗ trợ cho T1 đưa kính lên máy in khắc laser. Sau khi in khắc logo trên kính, bề mặt kính sẽ có dấu lõm in hình logo của các nhãn hiệu đã khắc, T1 cùng Hồ Văn L4 và Đặng Văn M1 H4 sử dụng sơn đen quét lên bề mặt vùng vừa in, đợi khi sơn khô sẽ dùng máy đánh bóng để đánh bóng, vệ sinh bề mặt kính cho nổi hình logo các nhãn hiệu vừa in khắc.

Khi khách hàng cần mua kính chắn gió của dòng xe mang nhãn hiệu nào, L4 chỉ đạo nhân viên làm giả kính chắn gió nhãn hiệu đó để bán. Ngoài ra, hàng ngày khi chưa có khách đặt hàng, L4 chỉ đạo các nhân viên làm giả kính chắn gió các nhãn hiệu như trên rồi cất giữ tại các kho ở địa chỉ A A, phường A, quận T, thành phố H và A A, phường A, quận T, thành phố H (nay là phường A, thành phố H) nhằm bán cho khách hàng có nhu cầu. Mỗi kính chắn gió đã làm giả, các bị cáo bán với giá từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng tùy theo từng dòng xe, đời xe.

Đến tháng 5 năm 2023, L4 chỉ đạo N1 liên lạc, trao đổi với đại diện của Nhà máy X (S1) Co., L5 ở Trung Quốc để mua và nhập khẩu kính chắn gió nhãn hiệu XYG về Việt Nam, còn N sẽ đại diện chủ cơ sở ký kết hợp đồng, chuyển khoản thanh toán tiền mua kính với công ty Trung Quốc và mở tờ khai hải quan để nhập khẩu kính về Việt Nam nhằm phục vụ cho việc sản xuất kính chắn gió ô tô giả. Mỗi kính chắn gió các bị cáo mua từ Trung Quốc có giá từ 400.000 đồng/1 cái đến 1.200.000 đồng/1 cái.

Khoảng tháng 11 năm 2023, máy in khắc chuyên dùng trên thủy tinh đã mua trước đó bị hỏng, L4 chỉ đạo N1 liên hệ đơn vị bán máy in khắc laser ở Trung Quốc mua 01 máy in khắc laser mới phục vụ cho việc làm giả kính chắn gió. Như là người đại diện cơ sở để ký các hợp đồng mua máy in khắc laser, thanh toán hợp đồng và nhập khẩu máy về Việt Nam.

Trong quá trình kinh doanh, L4 và N sử dụng địa chỉ A N, phường T, thị xã H, thành phố H (nay là phường T, thành phố H) làm cửa hàng trưng bày, giới thiệu, chào bán các sản phẩm kính chắn gió, trong đó gồm kính chắn gió nhãn hiệu XYG và kính chắn gió đã làm giả. Khi khách hàng đến địa chỉ này để mua kính thì N và N1 là người giới thiệu và làm việc với khách hàng để bán kính. Đối với những khách hàng liên hệ trực tiếp L4 để mua bán thì L4 sẽ giới thiệu và bán kính cho khách hàng, N1 là người xuất hóa đơn, N là người đại diện cơ sở ký các hóa đơn bán hàng. L4 phân công Lê Minh T1, Hồ Văn L4 và Đặng Văn Minh H4 lắp ráp kính chắn gió lên xe hoặc đóng gói kính gửi cho khách hàng.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại cơ sở kinh doanh của **Trần Quốc L1** và **Trịnh Thị Kim N**, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an thành phố H tiến hành khám nơi cất giấu phương tiện vi phạm hành chính phát hiện, thu giữ 495 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu gồm: PEUGEOT, HONDA, HUYNDAL, FORD, KIA, TOYOTA, MITSUBISHI, MERCEDES BENZ, SUZUKI, DEAWOO, MAZDA, CHEVROILET, NISSAN và các máy móc để tẩy xóa, gắn dấu hiệu của các nhãn hiệu lên kính chắn gió ô tô. Số kính chắn gió này **L1**, Như không cung cấp được hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và thừa nhận nhận số kính chắn gió này do **L1**, Như chỉ đạo **Lê Thị N1**, **Lê Minh T1**, **Hồ Văn L4**, **Đặng Văn Minh H4** tẩy xóa logo chữ “XYG” trên kính chắn gió nhãn hiệu XYG mua từ Trung Quốc rồi in logo các nhãn hiệu khác lên nên đã tiến hành thu giữ toàn bộ số kính này cùng các phương tiện, dụng cụ vi phạm.

Quá trình điều tra, **Trần Quốc L1**, **Trịnh Thị Kim N**, **Lê Thị N1**, **Lê Minh T1**, **Hồ Văn L4** và **Đặng Văn Minh H4** khai nhận: Toàn bộ 495 cái kính chắn gió có in logo các nhãn hiệu PEUGEOT, HONDA, HYUNDAI, FORD, KIA, TOYOTA, MITSUBISHI, MERCEDES BENZ, SUZUKI, DEAWOO, MAZDA, CHEVROILET, NISSAN mà cơ quan điều tra phát hiện thu giữ tại cơ sở kinh doanh của **Trần Quốc L1** và **Trịnh Thị Kim N** là do các bị cáo đã làm giả các thương hiệu này để bán ra thị trường nhưng chưa bán được thì đã bị phát hiện.

* Tang vật, tài liệu thu giữ:

- 08 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu PEUGEOT;
- 52 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu HONDA;
- 156 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu HUYNDAL;
- 17 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu FORD;
- 86 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu KIA;
- 81 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu TOYOTA;
- 03 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu MITSUBISHI;
- 04 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu MERCEDES BENZ;
- 04 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu SUZUKI;
- 07 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu DEAWOO;
- 62 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu MAZDA;
- 10 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu CHEVROLET;
- 05 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu NISSAN;
- 01 bộ máy in khắc laser nhãn hiệu Lansu laser Equipment, model: LS-UV-5W do Trung Quốc sản xuất bao gồm: 01 dàn in khắc laser, 01 máy làm mát bằng nước, 01 máy vi tính, 01 bàn phím, 01 chuột máy tính;
- 01 cái USB nhãn hiệu Apacer chứa các tập tin mẫu logo;
- 02 bộ máy tính;
- 06 cái máy đánh bóng cầm tay nhãn hiệu DCA, loại ASA 150;
- 01 bình thuốc tẩy kính ô tô siêu tốc;
- 01 lon sơn màu đen;
- 01 cái kệ để phục vụ việc đánh bóng;
- 01 cái kệ gỗ để phục vụ sơn;
- 01 chai dung dịch đánh bóng;
- 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng, IMEI: 354861092991469;
- 12 cái kính chắn gió ô tô nhãn hiệu XYG;

- 04 cái kính chắn gió ô tô nhãn hiệu YANGLIN;
- 05 cái kính chắn gió ô tô nhãn hiệu AGC;
- Tạm giữ của [Trịnh Thị Kim N](#) số tiền: 50.000.000 đồng;
- * Về xử lý vật chứng

Quá trình điều tra xác định 12 cái kính chắn gió ô tô nhãn hiệu XYG, 04 cái kính chắn gió ô tô nhãn hiệu YANGLIN và 05 cái kính chắn gió ô tô nhãn hiệu AGC không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho [Trịnh Thị Kim N](#).

Cơ quan điều tra tiến hành thu thập mẫu kính chắn gió, giá các sản phẩm kính chắn gió của các nhãn hiệu phân phối tương ứng với các loại kính chắn gió mà các bị cáo làm giả đã thu giữ để tiến hành trưng cầu giám định và định giá.

Tại các bản kết luận giám định số: 166/KL-KTHS ngày 02/04/2024; số: 167/KL-KTHS ngày 02/04/2024; số: 48/KL-KTHS ngày 01/02/2024; số: 49/KL-KTHS ngày 07/02/2024; số: 50/KL-KTHS ngày 02/02/2024; số: 301/KL-KTHS ngày 31/05/2024; số: 302/KL-KTHS ngày 24/05/2024; số: 303/KL-KTHS ngày 24/05/2024; số: 429/KL-KTHS ngày 31/07/2024; số: 430/KL-KTHS ngày 31/07/2024; số: 431/KL-KTHS ngày 19/07/2024; số: 586/KL-KTHS ngày 24/09/2024; số: 587/KL-KTHS ngày 27/09/2024; số: 588/KL-KTHS ngày 11/09/2024; số: 583/KL-KTHS ngày 20/09/2024; số: 584/KL-KTHS ngày 27/09/2024 và số: 585/KL-KTHS ngày 13/09/2024 của [Phòng K Công an thành phố H](#) kết luận đối với 08 cái kính chắn gió ô tô gắn dấu hiệu nhãn hiệu PEUGEOT; 23 cái kính chắn gió ô tô gắn dấu hiệu nhãn hiệu HONDA; 156 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu nhãn hiệu HYUNDAI và 17 cái kính chắn gió ô tô gắn dấu hiệu nhãn hiệu FORD đã thu giữ như sau:

- Bản in logo trên mẫu kính chắn gió đã thu giữ so với bản in logo trên mẫu kính chắn gió do các nhãn hiệu cung cấp không phải do các bản in tương ứng in ra.

- Đối với 291 cái kính chắn gió ô tô còn lại, do các công ty chủ sở hữu nhãn hiệu, Công ty đại diện pháp lý được ủy quyền của các nhãn hiệu này không cung cấp mẫu nên không tiến hành giám định được 291 cái kính chắn gió này. Tuy nhiên, số kính chắn gió ô tô này đều do [Trần Quốc L1](#) và [Trịnh Thị Kim N](#) chỉ đạo các nhân viên tiến hành tẩy xóa logo có chữ “XYG” và in giả logo nhãn hiệu khác như logo chữ “H”, logo chữ “FORD”, logo biểu tượng nhãn hiệu TOYOTA... lên kính. [L1](#), Như không cung cấp được hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc của số kính này và thừa nhận đây là kính chắn gió ô tô do cơ sở kinh doanh của [L1](#), Như sản xuất. Kết hợp với những hóa đơn, chứng từ, tờ khai nhập khẩu xác định: cơ sở kinh doanh của [N](#) và [L1](#) chỉ mua và nhập kính chắn gió nhãn hiệu XYG gắn logo chữ “XYG”, không mua và nhập kính chắn gió của các nhãn hiệu gắn logo của thương hiệu khác mà cơ quan điều tra đã thu giữ. Do đó, có căn cứ xác định 495 cái kính chắn gió ô tô có gắn dấu hiệu của 13 nhãn hiệu đã thu giữ tại cơ sở kinh doanh của [L1](#) và [N](#) là hàng giả.

Tại các Kết luận định giá số: 479/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2024; số: 481/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2024; số: 1839/KL-HĐĐGTS ngày 04/06/2024 và số: 2956/KL-HĐĐGTS ngày 23/08/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự [thành phố H](#) kết luận giá trị (Việt Nam đồng) của kính chắn gió ô tô các bị cáo làm giả tương đương với giá trị hàng thật như sau:

- 08 cái kính chắn gió nhãn hiệu PEUGEOT là 53.034.000 đồng.
- 52 cái kính chắn gió nhãn hiệu HONDA là 629.348.000 đồng.
- 156 cái kính chắn gió nhãn hiệu HYUNDAI là 1.463.715.000 đồng.
- 17 cái kính chắn gió nhãn hiệu FORD là 126.334.080 đồng.

Đối với 262 cái kính chắn gió ô tô giả còn lại gồm: 86 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu KIA, 81 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu TOYOTA, 03 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu MITSUBISHI, 04 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu MERCEDES BENZ, 04 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu SUZUKI, 07 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu DEAWOO, 62 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu MAZDA, 10 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu CHEVROLET và 05 cái kính chắn gió ô tô làm giả nhãn hiệu NISSAN, Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu các công ty, đại lý hoạt động kinh doanh kính chắn gió ô tô trên địa bàn **thành phố H và thành phố Đà Nẵng** cung cấp giá trị hàng hóa là kính chắn gió ô tô cùng loại với kính chắn gió ô tô mà các bị cáo làm giả nhưng không có kết quả, nên hội đồng định giá không có căn cứ để kết luận. Do đó căn cứ vào tờ khai hải quan, giá thị trường của những cái kính chắn gió nhãn hiệu XYG có thể lắp ráp cho cùng dòng xe, đời xe mà cơ sở **Trần Quốc L1** đã nhập khẩu làm căn cứ xác định giá trị của 262 cái kính chắn gió ô tô trên có tổng giá trị tương đương với giá trị hàng thật là 148.129.549 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Như vậy 495 cái kính chắn gió ô tô mà các bị cáo làm giả thu giữ tại cơ sở kinh doanh của **L1** và Như có tổng giá trị tương đương giá trị hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng là: 2.420.560.629 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng).

Ngoài việc sản xuất và kinh doanh kính chắn gió ô tô làm giả như trên, cơ sở kinh doanh của **L1**, Như cũng bán kính chắn gió nhãn hiệu XYG, đây là kính chắn gió ô tô các bị cáo đã mua và nhập khẩu về để bán mà không làm giả. Quá trình mua bán, **L1** và Như không ghi chép lại các nội dung sản phẩm như trường hợp nào bán kính đã làm giả, trường hợp nào bán kính nhãn hiệu XYG; trên hóa đơn bán hàng và hóa đơn giá trị gia tăng, **L1**, Như, **N1** chỉ ghi nội dung chung chung như “Kính chắn gió trước ô tô”, “Kính chắn gió sau ô tô”, “Kính cửa trước”, “Kính chắn gió xe ô tô CIVIC 2016”, “Kính chắn gió INNOVA”, “Kính 2 lớp” v.v... mà không ghi rõ đặc điểm kính, đặc điểm logo trên kính, nhãn hiệu kính. Một số hóa đơn không ghi rõ thông tin khách hàng mua kính, không ghi rõ thông tin phương tiện đã thay thế kính nên **L1**, Như và các nhân viên không nhớ rõ trường hợp nào đã bán kính chắn gió giả, bán với giá bao nhiêu, trường hợp nào bán kính chắn gió XYG. Những người này cũng không nhớ rõ cơ sở của **N** và **L1** đã sản xuất và bán bao nhiêu cái kính chắn gió giả. Xác minh những cá nhân, tổ chức đã mua kính chắn gió ô tô tại cơ sở của **L1** (thông qua các hóa đơn giá trị gia tăng mà **L1**, Như đã xuất) cũng không xác định được khách nào mua kính chắn gió nhãn hiệu XYG và khách hàng nào mua kính chắn gió giả nên không xác định được cơ sở của **L1**, Như đã sản xuất và bán ra thị trường bao nhiêu cái kính chắn gió giả ngoài 495 cái kính chắn gió ô tô giả mà cơ quan điều tra đã thu giữ, **L1** và Như chỉ ước lượng được số tiền thu lợi bất chính từ việc bán kính chắn gió ô tô giả khoảng 50.000.000 đồng và đã giao nộp số tiền này cho cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo **Trần Quốc L1**, bị cáo **Trịnh Thị Kim N**, bị cáo **Lê Thị N1**, bị cáo **Lê Minh T1**, bị cáo **Hồ Văn L4**, bị cáo **Đặng Văn Minh H4** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2025/HS-ST ngày 15/7/2025, Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Trần Quốc L1**, bị cáo **Trịnh Thị Kim N**, bị cáo **Lê Thị N1**, bị cáo **Lê Minh T1**, bị cáo **Hồ Văn L4**, bị cáo **Đặng Văn Minh H4** phạm tội “Sản xuất hàng giả”.

[2]. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s, t, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Trịnh Thị Kim N** 05 (năm) năm tù về tội “Sản xuất hàng giả”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s, t, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Lê Thị N1** 05 (năm) năm tù về tội “Sản xuất hàng giả”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 cho đến ngày 04/4/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Lê Minh T1** 05 (năm) năm tù về tội “Sản xuất hàng giả”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 cho đến ngày 16/9/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bị cáo **Hồ Văn L4** 05 (năm) năm tù về tội “Sản xuất hàng giả”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 cho đến ngày 16/9/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đời với bị cáo **Trần Quốc L1**, bị cáo **Đặng Văn Minh H4**, hình phạt bổ sung, quyết định về xử lý vật chứng và án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo **Trịnh Thị Kim N** kháng cáo cho rằng bị cáo bị xử phạt 5 năm 3 tháng tù là nặng nên xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Bị cáo **Lê Thị N1** kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

- Bị cáo **Lê Minh T1** kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm “Tội sản xuất hàng giả” là không đúng tội, bị cáo chỉ phạm vào “Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp” và xin được hưởng án treo.

- Bị cáo **Hồ Văn L4** kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ là người làm thuê, nhưng bị xử phạt 5 năm tù là nặng so với bị cáo **Trần Quốc L1** là người chủ mưu, cầm đầu nhưng bị xử phạt 5 năm 6 tháng tù nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

- Luật sư **Lê Võ Thanh H3** bào chữa cho bị cáo **Lê Thị N1** cho rằng các bị cáo trong vụ án này chỉ phạm vào “Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm “Tội sản xuất hàng giả” là đúng tội, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xác định, đó là trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2023 đến ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại cơ sở kinh doanh của **Trần Quốc L1** và **Trịnh Thị Kim N** ở **A N, phường T, thị xã H, thành phố H** (nay là phường T, thành phố H) và **A A, phường A, quận T, thành phố H** (nay là phường A, thành phố H); các bị cáo **Trần Quốc L1, Trịnh Thị Kim N** cùng với **Lê Thị N1, Lê Minh T1, Hồ Văn L4** và **Đặng Văn Minh H5** có hành vi sản xuất 495 (bốn trăm chín mươi lăm) cái kính chắn gió ô tô giả kính chắn gió ô tô của của các thương hiệu PEUGEOT, HONDA, HUYNDAI, FORD, KIA, TOYOTA, MITSUBISHI, MERCEDES BENZ, SUZUKI, DEAWOO, MAZDA, CHEVROILET, NISSAN có giá trị tương đương với giá trị của hàng thật là 2.420.560.629 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng).

Điểm d khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 và Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì hàng giả bao gồm: “*Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa.*”. Các bị cáo đã thực hiện hành vi làm (tạo) ra những kính chắn gió ô tô giả nhãn hiệu, giả chất lượng hàng hóa so với những thương hiệu kính chắn gió ô tô được Nhà nước cấp phép nhập khẩu từ các thương hiệu nước ngoài được bảo hộ và tiêu thụ tại Việt Nam, làm cho người mua nhầm lẫn thương hiệu để bán cho người mua tiêu thụ nhằm thu lợi bất chính.

Do các bị cáo thực hiện hành vi nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo **Trần Quốc L1, Trịnh Thị Kim N, Lê Thị N1, Lê Minh T1, Hồ Văn L4** và **Đặng Văn Minh H4** đã phạm vào “Tội sản xuất hàng giả” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng tội danh, đúng khung

hình phạt nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của Người bào chữa và các bị cáo rằng các bị cáo phạm vào “Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Trịnh Thị Kim N** thấy bị cáo **Trịnh Thị Kim N** (vợ bị cáo **Trần Quốc L1**) đã cùng chồng bàn bạc, thống nhất mua, nhập khẩu kính chắn gió nhãn hiệu XYG của Trung Quốc, mua máy móc, thuê nhân viên để tiến hành tẩy xóa logo XYG trên kính và in giả logo nhãn hiệu của các thương hiệu kính nổi tiếng trên thế giới như PEUGEOT, HONDA, HUYNDAL, FORD, KIA, TOYOTA, MITSUBISHI, MERCEDES BENZ, SUZUKI, DEAWOO, MAZDA, CHEVROLET, NISSAN lên kính với mục đích bán cho người khác nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo **Trịnh Thị Kim N** là người đại diện cơ sở kinh doanh ký hợp đồng và thanh toán việc mua máy in khắc laser từ Trung Quốc, mua kính chắn gió mang nhãn hiệu XYG từ Trung Quốc để phục vụ việc sản xuất hàng giả. Các bị cáo trong vụ án đã cùng nhau thực hiện nhiều công đoạn để sản xuất ra 495 kính chắn gió giả nhãn hiệu, đã bán và cất giữ tại kho của vợ chồng **Trần Quốc L1** và **Trịnh Thị Kim N** với tổng giá trị tương đương với hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng là 2.420.560.629 đồng. Khoản 3 Điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Bị cáo **N** cùng đồng phạm thực hiện sản xuất hàng giả nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo **N** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giao nộp những kính chắn gió ô tô đã bị làm giả; đã cùng chồng nộp 50.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính; tại thời điểm phạm tội đang mang thai và hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; từ đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trịnh Thị Kim N** 5 năm 3 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo kháng cáo, nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Lê Thị N1** thấy bị cáo **Lê Thị N1** phụ trách thiết kế, chỉnh sửa các logo các nhãn hiệu như HONDA, FORD, KIA, HUYNDAL... để phục vụ việc in giả các nhãn hiệu này lên kính XYG sau khi đã tẩy xóa nhãn hiệu XYG để sản xuất ra 495 kính chắn gió giả. Bị cáo **N1** cùng đồng phạm thực hiện sản xuất hàng giả nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo **N1** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giao nộp những kính chắn gió ô tô đã bị làm giả; tại thời điểm phạm tội đang mang thai và hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; từ đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Thị N1** 5 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo kháng cáo, nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **N1**.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo **Lê Minh T1** và bị cáo **Hồ Văn L4** thấy **Lê Minh T1** và **Hồ Văn L4** là người trực tiếp tẩy xóa logo XYG trên kính chắn gió nhãn hiệu XYG của Trung Quốc, sau đó sử dụng máy in khắc laser và in khắc logo các nhãn hiệu HONDA, FORD, KIA, HUYNDAI...lên. Các bị cáo biết rõ logo mà họ đã in khắc lên kính là logo của nhãn hiệu khác với nhãn hiệu mà các bị cáo đã tẩy xóa trước đó; tuy không bàn bạc, thống nhất trước với vợ chồng bị cáo **Trần Quốc L1** và bị cáo **Trịnh Thị Kim N**, không được chia lợi nhuận thu từ việc sản xuất, buôn bán hàng giả, nhưng được trả lương cao, các bị cáo không có công việc ổn định nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đã giúp sức để sản xuất 495 cái kính chắn gió giả với tổng giá trị tương đương với hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng là 2.420.560.629 đồng nên phải chịu trách nhiệm với vai trò là đồng phạm giúp sức, người thực hành. Bị cáo **T1** và bị cáo **Hồ Quốc L6** thực hiện sản xuất hàng giả nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xét hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giao nộp những kính chắn gió ô tô đã bị làm giả; từ đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Minh T1** và bị cáo **Hồ Quốc L6** mỗi bị cáo 5 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; hai bị cáo kháng cáo, nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 83/2025/HS-ST ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, cụ thể:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; các điểm s, t, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trịnh Thị Kim N** 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội sản xuất hàng giả”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; các điểm s, t, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị N1** 05 (năm) năm tù về “Tội sản xuất hàng giả”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến ngày 04/4/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Minh T1** 05 (năm) năm tù về “Tội sản xuất hàng giả”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến ngày 16/9/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hồ Văn L4** 05 (năm) năm tù về “Tội sản xuất hàng giả”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến ngày 16/9/2024.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo **Trịnh Thị Kim N**, **Lê Thị N1**, **Lê Minh T1**, **Hồ Văn L4** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp Huế;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp Huế;
- Thi hành án dân sự Tp Huế;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân